TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ K** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 06-02-2024
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH HẢI DƯƠNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đặng Đức Huấn.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Chí Dựng.
2. Bà Trần Thị Nhi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thăng Long-Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Thúy Diệp-Kiểm sát viên.

Ngày 06/02/2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân thị xã K, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 391/2023/TLST-HNGĐ ngày 01/11/2023 về "ly hôn, tranh chấp nuôi dưỡng con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/01/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T1, sinh năm 1993.
Đăng ký HKTT: Khu dân cư H1, phường T, thị xã K, tỉnh Hải Dương.
Trú tại: Thôn XS, xã QT, thị xã K, tỉnh Hải Dương.
Bị đơn: Anh Nguyễn Văn P1, sinh năm 1991.
Địa chỉ: Khu dân cư H1, phường T, thị xã K, tỉnh Hải Dương.
Chị T1, anh P1 đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn-chị Phạm Thị T1 trình bày:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn P1, sinh năm 1991 vào ngày 16/11/2020 trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, khi cưới có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã -Nay là phường T, thị xã K. Sau ngày cưới, chị về gia đình anh P1 chung sống. Quá trình chung sống tại đây được thời gian ngắn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh P1 thường xuyên rượu chè, chơi bời đêm hôm không về nhà, thu nhập hàng tháng anh P1 giữ lại để ăn chơi không đưa cho chị để chi tiêu sinh hoạt. Chị đã nhiều lần nhắc nhở và anh P1 đã nhiều lần viết cam kết hứa sẽ sửa đổi nhưng không sửa đổi; gia đình nhà chồng không những không khuyên bảo mà

còn bênh vực anh P1, đối xử lạnh nhạt với chị. Chị đã nhiều lần về gia đình bố mẹ đẻ ở thôn XS, xã QT, thị xã K, tỉnh Hải Dương nhưng sau đó nghĩ thương con chị lại quay về. Do anh P1 không chịu sửa đổi nên vào khoảng tháng 10/2022, chị về gia đình ngoại sống ly thân với anh P1 cho đến nay. Anh P1 cũng không đến tìm đón chị về đoàn tụ. Vợ chồng không còn quan tâm, liên lạc gì với nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng và kéo dài nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi ly hôn anh Nguyễn Văn P1.

2. Quan hệ về con chung: Vợ chồng chị có một con là Nguyễn Ánh Hồng, sinh ngày 07/5/2021. Hiện con đang do chị nuôi dưỡng. Nay ly hôn chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con và tự nguyện không yêu cầu anh P1 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Hiện nay chị đang làm công nhân tại Công ty Toyodenso; địa chỉ: Tiền Trung, Ái Quốc, thành phố Hải Dương. Mức thu nhập bình quân hàng tháng của chị khoảng 07 triệu đồng.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh Nguyễn Văn P1 vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

- Tại Biên bản ghi lời khai, người làm chứng-bà Nguyễn Thị B1 trình bày: Bà là mẹ đẻ của chị T1, anh P1 là con rể bà. Chị T1, anh P1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường T. Sau ngày cưới chị T1 về gia đình anh P1 chung sống. Quá trình chung sống tại đây được khoảng 04 ngày thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị T1 bỏ về gia đình bà. Sau đó vài ngày thì anh P1 có đến tìm đón chị T1 quay về. Quá trình chung sống bà thấy anh chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh P1 thường xuyên chơi bời, rượu chè, không quan tâm đến gia đình. Chị T1 đã nhiều lần động viên, khuyên bảo và anh P1 đã nhiều lần viết cam kết hứa sẽ sửa đổi nhưng không chịu sửa đổi. Do mâu thuẫn thường xuyên nên chị T1 đã nhiều lần bỏ về gia đình bà, lần cuối cùng là khoảng tháng 9/2022, chị T1 cùng con gái về gia đình bà sống ly thân với anh P1 cho đến nay. Anh P1 không đến tìm đón chị T1 về đoàn tụ mà chỉ đến đòi con, gây mất trật tự hàng xóm, láng giềng. Nay bà xác định mâu thuẫn giữa chị T1, anh P1 đã trầm trọng, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn; về quan hệ con chung: Chị T1, anh P1 có 01 con là Nguyễn Ánh Hồng, sinh ngày 07/5/2021. Trường hợp vợ chồng ly hôn, bà đề nghị Tòa án giao con cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng vì con còn nhỏ. Gia đình bà cam kết sẽ tạo mọi điều kiện về chỗ ở và giúp đỡ chị T1 trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giao dục con.

- Tại Biên bản xác minh ngày 18/12/2023, UBND phường T cung cấp:

1. Về nơi cư trú của anh Nguyễn Văn P1: Anh P1 có hộ khẩu thường trú tại khu dân cư Vũ Xá, phường T, thị xã K, tỉnh Hải Dương và đang sống cùng bố mẹ là ông Nguyễn Văn Muôn và bà Hà Thị Hương. Anh P1 làm nghề lái xe nên hay vắng mặt tại gia đình.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị T1, anh P1 kết hôn vào ngày 16/11/2020 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường T. Sau ngày cưới chị T1 về ngay gia đình anh P1 chung sống nhưng sau đó đã về gia đình bố mẹ đẻ ở xã QT sống ly thân. Nguyên nhân là do anh P1 mải chơi, không chịu tu chí làm ăn. Hai anh chị đã sống ly thân thời gian dài mà không có biện pháp để cải thiện mâu thuẫn. Nay chị T1 có đơn yêu cầu ly hôn anh P1, UBND phường đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Về quan hệ con chung: Chị T1, anh P1 có 01 con là Nguyễn Ánh Hồng, sinh ngày 07/5/2021. Anh P1 làm nghề lao động tự do. Chị T1 làm công nhân có thu nhập ổn định. Trường hợp anh chị ly hôn do con chung còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi nên đề nghị Tòa án giao con cho chị T1 nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K phát biểu ý kiến, xác định Thẩm phán, Hội đồng xét xử (Viết tắt: HĐXX) đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không chấp hành. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị T1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị T1 ly hôn anh Nguyễn Văn P1; về con chung: Giao cho chị Phạm Thị T1 trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Ánh Hồng, sinh ngày 07/5/2021. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T1 về việc không yêu cầu anh P1 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con; về án phí: Chị T1 phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*:

[1.1]. *Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ trông chấp*: Chị Phạm Thị T1 khởi kiện tranh chấp về ly hôn, đây là tranh chấp quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn-anh Nguyễn Văn P1 có địa chỉ: Khu dân cư Vũ Xá, phường T, thị xã K, tỉnh Hải Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã K theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. *Về thủ tục cấp, tống đạt, thông báo cho bị đơn*: Quá trình giải quyết vụ án, do anh P1 thường xuyên vắng mặt tại gia đình nên Tòa án không thể cấp, tống đạt, thông báo trực tiếp các văn bản tố tụng được. Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng đối với anh P1 theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3]. *Về thủ tục hòa giải*: Quá trình giải quyết vụ án, chị Phạm Thị T1 có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3]. *Về sự vắng mặt của đương sự*: Chị Phạm Thị T1 vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Nguyễn Văn P1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Phạm Thị T1 và anh Nguyễn Văn P1 kết hôn vào ngày 16/11/2020 trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, khi cưới có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã -Nay là phường T, thị xã K. Đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị T1 về gia đình anh P1 chung sống. Quá trình chung sống tại đây thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh P1 mải chơi, không quan tâm đến gia đình. Mặc dù chị T1 đã nhiều lần động viên khuyên bảo và anh P1 đã nhiều lần viết cam kết nhưng không chịu sửa đổi. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, chị T1 đã đưa con về gia đình bố mẹ đẻ sống ly thân với anh P1 từ khoảng tháng 10/2022 đến nay. Vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau. Từ những căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa chị T1, anh P1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX sẽ áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị T1 được ly hôn anh P1.

[3]. *Quan hệ về con chung*: Chị T1, anh P1 có 01 con là Nguyễn Ánh Hồng, sinh ngày 07/5/2021. Nay ly hôn chị T1 có nguyện vọng được nuôi dưỡng con, tự nguyện không yêu cầu anh P1 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Xét nguyện vọng nuôi con của chị T1 HĐXX thấy: Cháu Nguyễn Ánh Hồng còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi; chị T1 có công việc, thu nhập ổn định và được gia đình hỗ trợ trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giao dục con nên có điều kiện nuôi con. Con do chị T1 nuôi dưỡng khỏe mạnh, phát triển bình thường. Căn cứ vào độ tuổi của con, ý kiến của Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình và trẻ em-UBND phường T, trên cơ sở xem xét quyền lợi về mọi mặt của con, HĐXX thấy cần giao con Nguyễn Ánh Hồng cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T1 về việc không yêu cầu anh P1 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

[4]. *Quan hệ về tài sản chung, nợ chung*: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5]. *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình và án phí dân sự về cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 51, khoản 1 Điều 56; các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 147; các điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị T1. Xử cho chị Phạm Thị T1 ly hôn anh Nguyễn Văn P1.

2. Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Nguyễn Ánh Hồng, sinh ngày 07/5/2021 đến khi đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T1 về việc không yêu cầu anh P1 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Anh Nguyễn Văn P1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị T1 phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã K, theo biên lai số AA/2023/0000078 ngày 31/10/2023. Chị Phạm Thị T1 đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn (*vắng mặt*) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thị xã K;
- Chi cục THADS thị xã K;
- UBND phường T (*để vào sổ hộ tịch*);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đặng Đức Huấn